

Công thức thì hiện tại đơn: S + V (s/es) + O

Công thức thì hiện tại tiếp diễn: S + am/is/are + V-ing

Công thức thì hiện tại hoàn thành: S + have/has + V3/Ved

Công thức thì quá khứ đơn: S + V (ed)/ V2 + O

Công thức thì quá khứ tiếp diễn: S + was/were + V-ing + O

Công thức thì tương lai đơn: S + will + verb

Công thức thì tương lai gần: S + am/is/are going to + verb

Dấu hiệu nhận biết hiện tại đơn: Always (luôn luôn), usually (thường xuyên), often (thường xuyên), every day, every week, every month,...

Dấu hiệu nhận biết hiện tại tiếp diễn: Now, at the moment, it's + giờ cụ thể + now.
Look, watch, listening, keep silent,...

Dấu hiệu nhận biết hiện tại hoàn thành: Just - Recently - Lately, Already, Before, Ever, Never, For, Since, Yet, So far - Until now - Up to now - Up to the present

Dấu hiệu nhận biết quá khứ đơn Ago, at the past, last,...

Dấu hiệu nhận biết quá khứ tiếp diễn : **While, when, as, at 10:00 (giờ) last night,...**

Dấu hiệu nhận biết tương lai đơn: in + thời gian (tương lai), tomorrow, Next day, Next week/ next month/ next year, think

Dấu hiệu nhận biết tương lai gần: sử dụng các trạng từ chỉ thời gian trong tương lai có căn cứ và dẫn chứng cụ thể.

Cách dùng quá khứ đơn + tiếp diễn: Hành động xen vào là thì quá khứ đơn, hành động diễn ra là thì quá khứ tiếp diễn |